

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Sư phạm Tin học (Informatics Education)

Mã ngành: 51140210

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng năm 2012 của
Hiệu trưởng trường Đại học Phạm Văn Đồng)*

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Tin học bậc Trung học cơ sở, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của ngành giáo dục và xã hội. Đó là những người có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và có phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của nhà giáo; có kiến thức, kỹ năng giao tiếp, tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp, tổ chức tốt quá trình giáo dục hướng đến phát triển toàn diện nhân cách người học, đáp ứng được yêu cầu dạy học bộ môn; có kiến thức, kỹ năng tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội; có kỹ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục/dạy học môn Tin học ở trường THCS, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục THCS về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới

1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng giảng dạy môn tin học theo phương pháp đổi mới giáo dục, kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tại trường THCS.

1.2.3. Thái độ

Có phẩm chất đạo đức, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm

các công việc được giao nơi công tác, yêu học sinh, yêu nghề, có tác phong của một nhà giáo.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ

Có kiến thức tiếng Anh trình độ B.

1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành sư phạm Tin học có khả năng giảng dạy Tin học ở các trường THCS, Tiểu học; làm công tác chuyên môn Tin học ở các cơ sở quản lý giáo dục ở quận, huyện, thị xã, thành phố; có thể tiếp tục học nâng cao. Ngoài ra sinh viên cũng có thể làm việc tại những cơ sở khác có nhu cầu sử dụng Tin học.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 112 tín chỉ (*không kể các nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*)

4. Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10; điểm học phần được chuyển thành điểm chữ.

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Số tín chỉ
7.1.1	Kiến thức giáo dục đại cương (<i>Không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP - AN</i>)	34
7.1.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78
7.1.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành	29
7.1.2.2	Kiến thức ngành	20
7.1.2.3	Kiến thức bổ trợ	8
7.1.2.4	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	10
7.1.2.5	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	11

7.2. Danh mục các học phần

TT	Mã học phần	Khối kiến thức/ Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			34	

A1. Lý luận chính trị			10	
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	1
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3
A2. Khoa học xã hội			4	
5		Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	
6		Pháp luật đại cương	2	
A3. Ngoại ngữ			7	
7		Tiếng Anh 1	3	
8		Tiếng Anh 2	2	7
9		Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	2	8
A4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường			13	
10		Toán cao cấp B1	3	
11		Toán cao cấp B2	2	10
12		Vật lý đại cương 1	3	
13		Nhập môn tin học A	3	
14		Xác suất thống kê B	2	11
A5. Giáo dục thể chất			90 t	
15		Giáo dục thể chất 1	30 t	
16		Giáo dục thể chất 2	30 t	15
17		Giáo dục thể chất 3	30 t	16
A6. Giáo dục quốc phòng – an ninh			135 t	
18		Giáo dục quốc phòng – an ninh	135 t	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			78	
B1. Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành			29	
19		Tâm lý học đại cương	2	
20		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	19
21		Giáo dục học đại cương	2	20
22		Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	21
23		Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở	2	21

24		Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2	
25		Toán rời rạc	2	13
26		Ngôn ngữ lập trình Pascal	3	13
27		Ngôn ngữ lập trình C	4	13
28		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 (Access)	3	
29		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	26, 27
B2. Kiến thức ngành			20	
30		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2	2	28
31		Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	13
32		Nhập môn mạng máy tính	3	31
33		Nguyên lý hệ điều hành	2	31
34		Bảo trì máy tính	2	31
35		Cơ sở dữ liệu	4	28
36		Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	35
B3. Kiến thức bổ trợ			8	
Các học phần tự chọn 1: chọn 1 trong 2 học phần			3	
37		Lập trình web	3	27
38		Thiết kế đồ họa	3	
Các học phần tự chọn 2: chọn 1 trong 2 học phần			3	
39		Quản trị mạng máy tính	3	32
40		Lập trình dotNet	3	27, 28
Các học phần tự chọn 3: chọn 1 trong 3 học phần			2	
41		Sử dụng các thiết bị dạy học	2	
42		Multimedia	2	
43		Thiết kế bài giảng điện tử	2	
B4. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			10	
44		Phương pháp dạy học tin học	4	
45		Phân tích chương trình tin học Trung học cơ sở	2	44
46		Dạy học tích cực	2	44
47		Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tin học	2	21
B5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			11	
48		Thực tập sư phạm 1	2	22

49		Thực tập sư phạm 2	4	48
50		Khóa luận tốt nghiệp	5	
51		E-Learning (<i>Học phần thay khóa luận tốt nghiệp 1</i>)	3	
52		Lập trình hướng đối tượng (<i>Học phần thay khóa luận tốt nghiệp 2</i>)	2	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			112	

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Năm học	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại tín chỉ (bắt buộc: bb; tự chọn: tc)	Giờ lên lớp		Thực tập tại cơ sở	Tiểu luận, Bài tập lớn, đồ án khóa luận	Tự học	Học phần tiên quyết
						LT	TH, TNg, thảo luận				
Thứ nhất	I	1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	bb	30				60	
		15	Giáo dục thể chất 1	30t	bb	5	25				
		7	Tiếng Anh 1	3	bb	42	6			90	
		19	Tâm lý học đại cương	2	bb	30				60	
		10	Toán cao cấp B1	3	bb	45				90	
		12	Vật lý đại cương 1	3	bb	45				90	
		13	Nhập môn tin học A	3	bb	30	30			90	
		26	Ngôn ngữ lập trình Pascal	3	bb	30	30			90	13
	Cộng				19						
	II	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	bb	45				90	1
		16	Giáo dục thể chất 2	30t	bb		30				15
		18	Giáo dục quốc phòng – an ninh	135t	bb	117	18				
		8	Tiếng Anh 2	2	bb	28	4			60	7
		20	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	bb	45				90	19

		11	Toán cao cấp B2	2	bb	30				60	10		
		14	Xác xuất thống kê B	2	bb	30				60	11		
		31	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	bb	45	30			120	13		
		27	Ngôn ngữ lập trình C	4	bb	45	30			120	13		
		Cộng		20									
Thứ hai	III	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	bb	30				60	2		
		17	Giáo dục thể chất 3	30t	bb		30				16		
		21	Giáo dục học đại cương	2	bb	30				60	20		
		22	Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	bb	30				60	21		
		24	Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	bb	30				60			
		9	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	2	bb	28	4			60	8		
		25	Toán rời rạc	2	bb	30				60	13		
		28	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 (Access)	3	bb	30	30			90			
		29	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	bb	45	30			120	26, 27		
				Cộng		19							
Thứ hai	IV	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	bb	45				90	3		
		6	Pháp luật đại cương	2	bb	30				60			
		23	Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở	2	bb	30				60	21		
		34	Bảo trì máy tính	2	bb	15	30			60	31		
		44	Phương pháp dạy học tin học	4	bb	60				120			
		48	Thực tập sư phạm 1	2	bb			90		60	22		
		Các học phần tự chọn 1: chọn 1 trong 2 học phần 37 hoặc 38											
		37	Lập trình web	3	tc	30	30			90	27		
		38	Thiết kế đồ họa	3	tc	30	30			90			

		Cộng		18								
Thứ ba	V	5	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	bb	30				60		
		47	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tin học	2	bb	30				60	21	
		35	Cơ sở dữ liệu	4	bb	60				120	28	
		32	Nhập môn Mạng máy tính	3	bb	45				90	31	
		30	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2	2	bb	15	30			60	28	
		33	Nguyên lý hệ điều hành	2	bb	30				60	31	
		45	Phân tích chương trình tin học Trung học cơ sở	2	bb	30				60	44	
		Các học phần tự chọn 2: chọn 1 trong 2 học phần 39 hoặc 40										
		39	Quản trị mạng máy tính	3	tc	30	30			90	32	
		40	Lập trình dotNet	3	tc	30	30			90	27, 28	
	Cộng		20									
	VI	46	Dạy học tích cực	2	bb	15	30			60	44	
		36	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	bb	45				90	35	
		49	Thực tập sư phạm 2	4	bb			180		120	48	
		Các học phần tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần 41, 42, 43										
		41	Sử dụng các thiết bị dạy học	2	tc	15	30			60		
		42	Multimedia	2	tc	15	30			60		
		43	Thiết kế bài giảng điện tử	2	tc	15	30			60		
		50	Khóa luận tốt nghiệp	5						225	150	
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:										
51		E-Learning	3		30	30			90			
52	Lập trình hướng đối tượng	2		15	30			60				
Cộng		16										
Tổng cộng			112									

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần giới thiệu các kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác Lênin – Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin. Đó là, chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách là học thuyết đúng đắn nhất về lý luận nhận thức; là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, các quan điểm này đã làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động và phát triển của xã hội loài người.

- Thông qua môn học giúp sinh hiểu rõ nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay để vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

- Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên lý luận cơ bản của hai trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin là Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Bộ phận Kinh tế chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: Giá trị, Giá trị thặng dư, các quy luật của kinh tế thị trường, về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa giúp sinh viên nhận biết bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

- Bộ phận Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về cách mạng xã hội chủ nghĩa – là phương thức để xóa bỏ triệt để chế độ áp bức, bóc lột; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Học phần này góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nối tiếp việc hình thành, hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận khoa học, Bước đầu xây dựng lý tưởng và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng nước ta

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Môn học giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, nhận định đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng đối với thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, hiểu rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

9.5. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công tác tuyển dụng viên chức giáo viên trung học cơ sở theo quy định hiện hành; Nội dung chính của học phần bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước; Quản lý hành chính Nhà nước; Công vụ, công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của bộ giáo dục và đào tạo đối với giáo dục bậc trung học cơ sở; Thực tiễn giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

9.6. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung và những vấn đề lý luận cơ sở trong khoa học pháp lý Việt Nam; đồng thời giúp sinh viên hiểu biết về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức lý luận cơ bản, cho sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá các sự kiện, hành vi, vấn đề từ góc độ pháp lý. Từ hiểu biết về các chế định luật của một số ngành luật cơ bản sinh viên có thể vận dụng vào xử lý những tình huống thiết thực nhất trong thực tiễn đời sống và tự tiếp cận với những ngành luật khác

9.7. Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên làm quen với mẫu tự, cách phát âm, ngữ điệu của tiếng Anh. Sinh viên biết nói một số câu đơn giản. Sinh viên có thể viết một số câu đơn giản, chia động từ ở thì hiện tại.

9.8. Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Sinh viên biết cách hỏi và trả lời câu hỏi. Sinh viên biết cách đề nghị, từ chối, chấp thuận, vạch kế hoạch. Sinh viên có thể viết các câu ghép, chia động từ ở thì tương lai. Sinh viên đạt trình độ A1 của chuẩn Châu Âu.

9.9. Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Sinh viên làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên biết cách giải thích, biện luận đơn giản. Sinh viên biết hòa hợp giữa chủ từ và động từ, chia động từ ở thì quá khứ. Sinh viên đạt trình độ A2 của chuẩn Châu Âu.

9.10. Toán cao cấp B1 (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về hàm số, giới hạn và liên tục, đạo hàm và vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm một biến số. Các khái niệm cơ bản của hàm số nhiều biến số thực. Phương trình vi phân, lý thuyết chuỗi.

9.11. Toán cao cấp B2 (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp B1

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về không gian vector, không gian véc tơ con, sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính; cơ sở và số chiều của không gian véc tơ., ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và ánh xạ tuyến tính.

9.12. Vật lý đại cương 1 (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Vật lý đại cương 1 trang bị cho sinh viên các vấn đề về quy luật chuyển động và tương tác của vật chất, sự bảo toàn và các đại lượng bảo toàn của chuyển động, bao hàm trong các kiến thức thuộc các lĩnh vực : cơ học, nhiệt học, điện từ học và quang học sóng.

Bên cạnh đó, học phần còn có phần thực hành, gồm các bài thí nghiệm về cơ, nhiệt, điện, quang; giúp cho sinh viên củng cố và nghiệm lại các kiến thức đã học. Mặt khác, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng một số dụng cụ thí nghiệm, phương pháp đo đạc và xử lý số liệu.

9.13. Nhập môn tin học A (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; giải thuật; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành; soạn thảo và lưu trữ các văn bản, bảng tính điện tử phục vụ công tác văn phòng, chương trình trình chiếu Power Point.

Học phần còn cung cấp cho sinh viên lý thuyết về thuật toán và các thuật toán cơ bản thường được sử dụng trong lập trình

9.14. Xác suất thống kê B (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Nội dung cụ thể của môn học gồm hai phần chính: phần xác suất và phần thống kê. Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, biến ngẫu nhiên và các phân

phối của nó, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. Phần thống kê toán học giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết mẫu, các đặc trưng mẫu, các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết các bài toán này như bài toán ước lượng khoảng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy...

9.15. Giáo dục thể chất 1

(30 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu rõ về ảnh hưởng, tác dụng của luyện tập thể dục thể thao đối với cơ thể con người, các yếu tố vệ sinh trong tập luyện để nâng cao sức khoẻ. Biết cách hướng dẫn và phòng tránh một số bệnh thường xảy ra trong học đường: phòng và chống bệnh cong vẹo cột sống, bệnh cận thị, đồng thời một số phương pháp đơn giản để hướng dẫn cho học sinh và tự tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khoẻ

9.16. Giáo dục thể chất 2

(30 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh những hiểu biết và lợi ích tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy dây ngắn và các bài thể dục đồng diễn đơn giản để có thể hướng dẫn cho học sinh và tập luyện nâng cao sức khoẻ

9.17. Giáo dục thể chất 3

(30 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2..

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông và Bóng chày, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài.

9.18. Giáo dục quốc phòng – an ninh

(135 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Gồm 3 học phần:

*** Học phần I: 45 tiết**

Đường lối quân sự Việt Nam đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mac – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

*** Học phần II: 45 tiết**

Công tác quốc phòng, an ninh được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến

lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập về một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

*** Học phần III: 45 tiết**

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương và giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

9.19. Tâm lý học đại cương

(2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về tâm lý học đại cương, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục đại cương, hoạt động dạy học và hoạt động ở trường Trung học cơ sở) các học phần về nghiệp vụ sư phạm (Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, thực tập sư phạm). Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

9.20. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

(3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lý của người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh Trung học cơ sở. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo Trung học cơ sở.

9.21. Giáo dục học đại cương

(2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

9.22. Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở

(2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

Cung cấp những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học đại cương, các đặc điểm cơ bản của hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học ở

trường Trung học cơ sở, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học ở trường trung học cơ sở.

9.23. Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường Trung học cơ sở, các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở.

9.24. Công tác đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động của đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, công tác phụ trách đội, tổng phụ trách đội.

9.25. Toán rời rạc (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A.

Các kiến thức cơ sở của ngành công nghệ thông tin như lý thuyết tập hợp, tổ hợp, thuật toán, logic mệnh đề, đại số Boole, lý thuyết đồ thị.

9.26. Ngôn ngữ lập trình Pascal (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A và các học phần Cơ sở toán cho tin học.

Một số thuật toán và các kiến thức cơ bản của ngôn ngữ lập trình Turbo Pascal như cấu trúc của chương trình, kiểu dữ liệu, biểu thức, các câu lệnh, các kiểu dữ liệu có cấu trúc,...

9.27. Ngôn ngữ lập trình C (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A .

Trang bị ngôn ngữ lập trình mạnh khá thông dụng hiện nay, nhằm tạo nền tảng cho sinh viên có thể tự học các môn Lập trình hướng đối tượng và các ngôn ngữ lập trình hiện đại.

9.28. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 (Access) (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A.

Nắm được kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access, làm nền tảng cho việc tiếp thu các Hệ QT CSDL tiên tiến.

9.29. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ lập trình Pascal, Ngôn ngữ lập trình C , Toán học rời rạc.

Các kiến thức hiểu về cấu trúc dữ liệu và thuật toán, phương pháp giải một số bài toán thông dụng, khả năng cài đặt bằng chương trình các thuật toán trên một số ngôn ngữ lập trình cụ thể.

9.30. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2 (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị CSDL 1.

Các kiến thức về thành phần và chức năng cơ bản của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu kiểu quan hệ; trong các nội dung nói trên, tập trung vào các khả năng khai báo dữ liệu, thao tác dữ liệu, truy vấn và quản trị giao dịch của ngôn ngữ cơ sở dữ liệu SQL

9.31. Kiến trúc máy tính và hợp ngữ (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A.

Các kiến thức về hệ đếm, khái niệm về mạch logic cấu thành các phần tử của hệ thống máy tính; các bộ phận chính của máy tính: CPU và các lệnh của ngôn ngữ máy; bộ nhớ chính và cơ chế quản lý bộ nhớ; các giao diện vào ra; hệ điều hành và vai trò của nó trong hệ thống máy tính. Giới thiệu kỹ thuật lập trình hợp ngữ

9.32. Nhập môn mạng máy tính (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và hợp ngữ.

Những khái niệm, mô hình phân tầng, công nghệ và nguyên lý truyền thông trong hệ thống mạng máy tính,...

9.33. Nguyên lý hệ điều hành (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và hợp ngữ.

Các kiến thức cơ bản về hệ điều hành máy tính, giúp sinh viên hiểu được vai trò của hệ điều hành và nguyên lý hoạt động của nó; giúp sinh viên nắm bắt được nguyên lý và kỹ thuật thiết kế hệ điều hành.

9.34. Bảo trì máy tính (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và hợp ngữ

Lắp đặt phần cứng, lập trình BIOS, xử lý password, hiểu biết về tổ chức đĩa và các thiết bị ngoại vi. Xử lý lỗi phần mềm. Nâng cấp, thay thế thiết bị. Các chiến lược duy trì sự hoạt động và Vius máy tính.

9.35. Cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1.

Các mô hình CSDL, Mô hình quan hệ và Lý thuyết thiết kế CSDL quan hệ. Ngôn ngữ đại số quan hệ, ngôn ngữ phi thủ tục SQL và các ứng dụng cơ sở dữ liệu. Xây dựng mô hình ER và phương pháp chuẩn hoá lược đồ cơ sở dữ liệu.

9.36. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu.

Các phương pháp phân tích, thiết kế và phát triển một hệ thống thông tin; vận dụng để xây dựng, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin.

9.37. Lập trình Web (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ lập trình C

Các kiến thức cơ bản về HTML, CSS, Javascript; Một số kiến trúc ứng dụng web thông dụng; Xây dựng, triển khai ứng dụng web với PHP

9.38. Thiết kế đồ họa (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: không

Sử dụng một số công cụ để thiết kế đồ họa (photoshop, coreldraw, flash)

9.39. Quản trị mạng máy tính (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn tin học A, Nhập môn mạng máy tính

Thiết kế, lắp đặt mạng, cấu hình các dịch vụ mạng, vận hành và bảo trì hệ thống mạng máy tính cục bộ (LAN) và mạng truy cập Internet

9.40. Lập trình dotNET (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị CSDL1; Lập trình C

Tổng quan về công nghệ dotNET; kiến thức về ngôn ngữ lập trình C# để có thể xây dựng các ứng dụng quản lý với hệ quản trị CSDL SQL Server

9.41. Sử dụng các thiết bị dạy học (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần bảo trì máy tính

Nguyên lý hoạt động và sử dụng các thiết bị phục vụ trong dạy học.

9.42. Multimedia (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần C, Thiết kế đồ họa

Sử dụng flash để tạo ra các ứng dụng multimedia

9.43. Thiết kế bài giảng điện tử (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần tin học đại cương

Sử dụng một số công cụ hỗ trợ có sẵn để thiết kế giáo án điện tử cho các môn tin học ở THCS

9.44. Phương pháp dạy học tin học (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã học xong các học phần tâm lý, giáo dục.

Những cơ sở lý luận của phương pháp dạy học bộ môn như:

- Những tri thức cơ bản về giáo dục tin học trong nhà trường.
- Mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học môn tin học ở trường THCS.
- Lập kế hoạch dạy học và soạn bài.
- Định hướng đổi mới phương pháp dạy học, các xu hướng dạy học tích cực và đánh giá việc học tập của học sinh.

9.45. Phân tích chương trình Tin học THCS (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong các học phần có nội dung liên quan đến kiến thức trong sách giáo khoa phổ thông, các môn giáo dục học, tâm lý học, phương pháp giảng dạy bộ môn.

Phân tích cấu trúc chương trình và chuẩn kiến thức môn tin học ở trường THCS trên những bài học cụ thể theo sách giáo khoa, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và nắm vững tinh thần của sách giáo khoa, ý đồ biên soạn của tác giả, giải thích và hướng dẫn để sinh viên nắm vững những nội dung khó trong chương trình Tin học THCS, hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng và tổ chức thực hiện các tiết dạy cụ thể.

9.46. Dạy học tích cực (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong các học phần có nội dung liên quan đến kiến thức trong sách giáo khoa phổ thông, các môn giáo dục học, tâm lý học, phương pháp giảng dạy

Các vấn đề liên quan đến phương pháp đổi mới giáo dục theo hướng dạy học lấy người học làm trung tâm

9.47. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tin học (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của một giáo viên tương lai bao gồm: Kỹ năng viết, vẽ bảng, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng đọc, kỹ năng xử lý tình huống...

9.48. Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Hoạt động dạy học ở trường THCS

Học phần nhằm củng cố và khắc sâu lý thuyết ở các học phần tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong Thực tập sư phạm 1: tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS, tập làm công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục.

9.49. Thực tập sư phạm 2 (4 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm 1

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, tiếp tục rèn luyện kỹ năng dạy học, giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.50. Khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

Sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để giải quyết một vấn đề hay một chuyên đề dưới dạng đề tài khoa học.

9.51. E-Learning (Học phân thay thế KLTN) (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã học học phần tin học đại cương, nhập môn mạng máy tính, chuyên đề lập trình web

Các kiến thức về E-Learning, sử dụng một số website Elearning phục vụ cho việc học tập qua mạng, thiết kế website Elearning.

9.52. Lập trình hướng đối tượng (Học phần thay thế KLTN) (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

Xây dựng lớp, toán tử tải bội, kế thừa và khuôn hình. Sinh viên được trang bị tư tưởng của lập trình hướng đối tượng, một phương pháp lập trình mới và có nhiều ưu điểm hơn phương pháp lập trình cấu trúc. Các chương trình mô phỏng cho tư tưởng lập trình hướng đối tượng được viết trên nền tảng của ngôn ngữ lập trình C++.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/Học phần sẽ giảng dạy
1.	Lương Văn Nghĩa	1964	GVC-ThS tin học	Cơ sở dữ liệu
2.	Trần Văn Chính	1962	ThS tin học	Bảo trì hệ thống, Nhập môn Mạng máy tính, Quản trị mạng
3.	Trần Tấn Từ	1963	ThS tin học	Ngôn ngữ Lập trình C, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
4.	Nguyễn Ánh	1965	ThS tin học	Toán rời rạc, CTDL&Giải thuật
5.	Trương Vạn Trình	1968	ThS tin học	Hệ Quản trị CSDL
6.	Hà Văn Lâm	1965	ThS tin học	Hệ Quản trị CSDL
7.	Phạm Văn Trung	1979	ThS tin học	Quản trị mạng, Mạng máy tính
8.	Võ Thị Ngọc Huệ	1970	ThS tin học	Phương pháp dạy học môn tin học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm
9.	Huỳnh Triệu Vỹ	1979	ThS tin học	Lập trình dotNet, Lập trình Web
10.	Nguyễn Trí Nhân	1970	ThS tin học	Thuật toán & CTDL, Lập trình Pascal
11.	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	1982	ThS tin học	Phân tích TK HT TT
12.	Võ Tấn Lộc	1968	ThS tin học	Kiến trúc máy tính&HN

13.	Nguyễn Tấn Sự	1967	Ths Toán	Xác suất thống kê Toán cao cấp
14.	Đặng Đình Thuận	1984	Cao học tin học	Lập trình Web
15.	Võ Thị Thiên Nga	1985	Cao học tin học	Hệ QT CSDL, Dạy học tích cực
16.	Đình Thị Xuân Vạn	1985	Cao học tin học	Công nghệ phần mềm, Phân tích chương trình tin học THCS
17.	Châu Văn Lương	1958	ThS QLGD	QL hành chính NN và QL ngành GD&ĐT

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Khoa Công nghệ thông tin Trường đại học Phạm Văn Đồng hiện có 04 phòng máy tính với tổng số máy là 120 máy tính và 01 trung tâm hỗ trợ học tập (KLF) với 60 máy tính đã kết nối mạng. Ngoài ra nhà trường còn có các phòng thí nghiệm điện tử hỗ trợ cho các môn cơ sở ngành công nghệ thông tin.

11.2. Thư viện:

Thư viện Trường Đại học Phạm Văn Đồng có các giáo trình và tài liệu tham khảo chính cho sinh viên trong quá trình đào tạo. Ngoài ra sinh viên còn tham khảo, sử dụng Internet tại Trung tâm hỗ trợ học tập KLF và trung tâm thông tin tư liệu.

11.3. Giáo trình

TT	Tên Giáo trình, Bài giảng	Tên Tác giả	Nhà Xuất bản	Năm XB
1	Bảng tính điện tử excel	Phạm Đức Thắng	Hà Nội	2007
2	Cấu trúc máy tính	Phó Đức Toàn	Hà Nội	2007
3	Cơ sở dữ liệu quan hệ	Phạm Đức Nhiệm	Hà Nội	2005
4	Kỹ thuật bảo trì PC	Hoàng Mạnh Khải	Hà Nội	2005
5	Lập trình hướng đối tượng với C++	Nguyễn Chí Trung	Hà Nội	2009
6	Microsoft Access	Nguyễn Sơn Hải	Hà Nội	2005
7	Ngôn ngữ lập trình C	Lê Văn Huỳnh	Hà Nội	2006
8	Nguyên lý hệ điều hành	Nguyễn Kim Tuấn	Giáo dục	2002
9	Thiết kế web	Ngô Đăng Tiến	Hà Nội	2008
10	Thuật toán và kỹ thuật lập trình Pascal	Nguyễn Chí Trung	Hà Nội	2010

11	Autocad	Nguyễn Gia Phúc	Hà Nội	2010
12	Tin học đại cương	Nguyễn Gia Phúc	Hà Nội	2006
13	Toán cao cấp	Nghiêm Văn Thiệp	Lao động xã hội	2006
14	Bài tập toán cao cấp	Nghiêm Văn Thiệp	Lao động xã hội	2006
15	Bài tập tin học và đại cương Turbo Pascal	Tô Văn Nam	Giáo dục	2009
16	Lập trình bằng ngôn ngữ ASSEMBLY	Nguyễn Mạnh Giang	Giáo dục	2004
17	Mạng máy tính	Ngọc Văn An	Giáo dục	2005
18	Toán ứng dụng trong tin học	Bùi Minh Trí	Giáo dục	2004
19	Kiến trúc máy tính và vi xử lý	Lê Hải Sâm	Giáo dục	2004
20	Cơ sở dữ liệu	Tô Văn Nam	Giáo dục	2009
21	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	Giáo dục	1972
22	Cài đặt và điều hành mạng	Nguyễn Vũ Sơn	Giáo dục	2005
23	Phân tích thiết kế hệ thống	Tô Văn Nam	Giáo dục	2005
24	Access và ứng dụng	Huỳnh Quyết Thắng	Giáo dục	2004
25	Kỹ năng lập trình	Lê Hoàng Bắc	Khoa học kỹ thuật	2007
26	Thiết kế web	Đặng Tiến	Hà Nội	2008
27	Phương pháp dạy học đại cương môn tin học	Lê Khắc Thành	Đại học Sư Phạm	2010

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình chính thức được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2012. Đối với học phần Chuyên đề, khoa Công nghệ thông tin sẽ xây dựng và cập nhật theo sự phát triển hàng năm của công nghệ nhằm đưa công nghệ mới vào trong quá trình đào tạo, cập nhật tri thức công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn.

HIỆU TRƯỞNG